

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 – 01 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Phan Thị Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Kha;

Ông Võ Thanh Liêm.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trương Thanh Quốc – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 993/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Phan Ngọc T – sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 56/64, đường P, khóm B, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**\* Bị đơn:** Ông Tạ Thanh T – sinh năm: 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, khóm B, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng C

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc B, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Quách Thị Ánh H – sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Phan Phú S – sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 332, đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2017, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Ngọc T trình bày: Bà và ông Tạ Thanh T kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống do chồng bà có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên phát sinh mâu thuẫn, bà và ông T đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay bà xác định không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tạ Thanh T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Tạ Thanh H sinh ngày 08/12/1994 và Tạ Thành Đ sinh ngày 14/9/2000. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Tạ Thành Đ, không yêu cầu ông Tâm cấp dưỡng nuôi con. Đối với Tạ Thanh H đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định có nợ chung gồm: Nợ ngân hàng C tỉnh Cà Mau số tiền 30.000.000đ; nợ chị Quách Thị Ánh H số tiền 40.000.000đ; nợ ông Phan Phú S số tiền 20.000.000đ. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trả toàn bộ số nợ này không yêu cầu ông T có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2018, ông Tạ Thanh T trình bày: Ông và bà Phan Ngọc T kết hôn có đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bà T không quan tâm nên ông và bà T không còn chung sống từ ngày 05/9/2015. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Tạ Thanh H sinh ngày 08/12/1994 và Tạ Thành Đ sinh ngày 14/9/2000. Khi ly hôn ông đồng ý giao cả hai người con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông thống nhất theo yêu cầu của bà T. Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung. Thống nhất yêu cầu của bà T về việc bà T có trách nhiệm trả nợ.

Do sức khỏe yếu nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông tại các buổi hòa giải và xét xử.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2018, bà Quách Thị Ánh H xác định bà T có nợ bà số tiền 40.000.000đ. Ông Phan Phú S xác nhận bà T có nợ ông số tiền 20.000.000đ. Nay bà T và ông T ly hôn, bà H và ông S không yêu cầu trách nhiệm trả nợ trong vụ án này. Bà H và ông S với bà T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với Ngân hàng C đã có đơn yêu cầu độc lập xác định bà Phan Ngọc T và ông Tạ Thanh T có vay vốn tại ngân hàng số tiền vốn là 30.000.000đ, lãi cho vay là 0,6875%/tháng. Tính đến ngày 08/12/2017 bà Phan Ngọc T và ông Tạ Thanh T còn nợ ngân hàng số tiền vốn 30.000.000đ. Khi bà T và ông T ly hôn Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền vốn là 30.000.000đ và lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Ông Tạ Thanh T và bà Phan Ngọc T kết hôn có đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau đúng quy định của pháp luật. Bà Phan Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Tạ Thanh T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Tạ Thanh T, đại diện Ngân hàng C, bà Quách Thị Ánh H và ông Phan Phú S có yêu cầu Tòa án hòa giải xét xử vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và tiến hành xét xử vắng mặt ông Tạ Thanh T, đại diện Ngân hàng C, bà Quách Thị Ánh H và ông Phan Phú S là đúng quy định tại khoản 1 điều 207 và khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Phan Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Tạ Thanh T với lý do vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân. Ông T cũng xác định hiện nay ông và bà T đã ly thân và thống nhất ly hôn với bà T. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định quy định của pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận của ông T và bà T về việc thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Tạ Thành Đ sinh ngày 14/9/2000, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với Tạ Thanh H đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Ông T cũng thống nhất giao cả hai người con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của ông T, bà T không trái quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của Tạ Thành Đ. Tạ Thanh H sinh ngày 08/12/1994 đã trưởng thành nên không xem xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Đối với số nợ của bà Quách Thị Ánh H và ông Phan Phú S, hiện nay bà H và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, bà H và ông S có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có tranh chấp. Đối với Ngân hàng C có yêu cầu bà Phan Ngọc T có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền vốn tính đến ngày 08/12/2017 bằng 30.000.000đ và tiếp tục phải trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi quy định tại hợp đồng tín dụng, bà T và ông T cũng thống nhất bà Phan Ngọc T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này, phù hợp với yêu cầu của ngân hàng nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự có giá ngạch đối với trách nhiệm thanh toán nợ bà Phan Ngọc T phải nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà Phan Ngọc T được ly hôn với ông Tạ Thanh T.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Tạ Thành Đ sinh ngày 14/9/2000 cho bà Phan Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Ông Tạ Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Con chung Tạ Thanh H sinh ngày 08/12/1994 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phan Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng C số tiền vốn tính đến ngày 08/12/2017 bằng 30.000.000đ và khoản lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 09/12/2017 cho đến khi bà Phan Ngọc T trả dứt nợ. Đối với số nợ của bà Quách Thị Ánh H và ông Phan Phú S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, bà H và ông S có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có tranh chấp.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000đ bà Phan Ngọc T phải nộp. Ngày 14/12/2017 bà Phan Ngọc T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0000122 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu, bà Phan Ngọc T phải tiếp tục nộp án phí với số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Ngân hàng C không phải nộp án phí, đã được miễn nộp tạm ứng.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bà Phan Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.C;
- UBND xã T, Huyện Đ, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(đã ký)

**Phan Thị Thu**